TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2016 - Ô tô (TN211617)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **105**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2116170476	Lê Hoàng	Đạt	CCQ1617G	109	6.36			0		Vượt quá 5 năm, hết hạn xét tốt nghiệp.0
2	2116170573	Cao Bá	Hùng	CCQ1617H	105	6.41	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		Chứng chỉ Anh văn giả. Vượt quá 5 năm, hết hạn xét tốt nghiệp.0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222012 Phương pháp luận sáng tạo	2
	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	226004 Đại cương về WTO và Asean	2
	226008 Kinh tế học đại cương	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
	222025 Kỹ năng mềm	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2							
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222010 Logic học đại cương	2							
		222024 Xác suất thống kê	2							
		225017 Quy hoạch tuyến tính	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
		227073 Lập trình C++	2							
		229001 Access cơ bản	2							
		229030 Tin học văn phòng	2							
		231016 Corel Draw	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		233004 Công nghệ lắp ráp ô tô	2							
		233005 Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2							
		233008 Kiểm định và chẩn đoán kỹ thuật ô tô	2							
		233009 Nhiên liệu, dầu, mỡ và chất lỏng chuyên dùng	2							
Nhóm TC 06 :		5 TC (Min)	5							
0601 .		233006 Đồ án tốt nghiệp (Ô tô)	5							
		233045 Chuyên đề điện - điện tử ô tô	2							
		233047 Chuyên đề động cơ	3							
Nhóm TC 07 :		3 TC (Min)	3							
0701 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Da giày (TN211707)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **90**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117070115	Vũ Thị Mỹ Hà	CCQ1707B	94	7.14	232052	Thực tập định mức kỹ thuật	2		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	226035 Soạn thảo văn bản	2
	227073 Lập trình C++	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		229030 Tin học văn phòng	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		232024 Kỹ thuật cung ứng và phân phối (Logistics)	2							
		232036 Phác họa mẫu trên vi tính	2							
		232050 Thực tập công nghệ giày 2 nâng cao	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		232026 Tin học ứng dụng ngành giày 2	2							
		232048 Thiết kế giày trên Corel Draw	2							
		232055 Thực tập thiết kế giày nâng cao	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		232031 Đồ án tốt nghiệp (Giày)	5							
		232033 Thiết kế hàng da	2							
		232034 Thực tập thiết kế hàng da	3							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Cơ điện tử (TN211714)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **90**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117140061	Nguyễn Xuân Duy	CCQ1714B	88	6.26	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	226035 Soạn thảo văn bản	2
	227073 Lập trình C++	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		229030 Tin học văn phòng	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222010 Logic học đại cương	2							
		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		227127 Thực tập hàn	2							
		227140 Thực tập tháo lắp	2							
		227142 Thực tập hàn TIG - MAG	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		227032 Matlab	2							
		227136 Kỹ thuật Robot	2							
		228018 Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		227088 Đồ án tốt nghiệp (Cơ điện tử)	5							
		227118 Hệ thống cơ điện tử nâng cao	3							
		227126 Chuyên đề thực tập CNC ngành cơ điện tử	2							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Quản trị nhà hàng (TN211727)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **80**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117270049	Lê Thị Như Quỳnh	CCQ1727A	77	6.04	226129	Kỹ thuật chế biến món ăn	3	3.5	0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	222024 Xác suất thống kê	2
	226017 Môi trường và con người	2
	226036 Tâm lý học đại cương	2
	229030 Tin học văn phòng	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
	226161 Quản lý sự đa dạng trong môi trường làm việc (QT)	2
	226178 Xây dựng, phân tích mối quan hệ kinh doanh	2
Nhóm TC 03 :	4 TC (Min)	4
0301 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0302 .	234002 Bóng chuyền 1	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234003 Bóng chuyền 2	2							
0303 .		234006 Bóng đá 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
0304 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0305 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0306 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		226022 Quản trị chất lượng (QT)	2							
		226028 Quản trị marketing	2							
		226034 Quản trị thương hiệu	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		226031 Quản trị rủi ro	2							
		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226101 Đàm phán trong kinh doanh	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		226138 Khóa luận tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5							
		226162 Quản trị ẩm thực	2							
		226169 Quản trị tổ chức sự kiện	3							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2018 - Kế toán (TN211810)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **80**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2118100214	Nguyễn Thị Phương Thảo	CCQ1810C	82	6.22	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		Chứng chỉ Anh Văn không hợp lệ. SV xem quy định chuẩn đầu ra trên web trường hitu.edu.vn0
2	2118100286	Hứa Dương Thị Tém	CCQ1810D	80	6.50	225106	Hệ thống thông tin kế toán	2		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 03 :		2 TC (Min)	2							
0301 .		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		225057 Toán tài chính	2							
		225103 Bảo hiểm	2							
		226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
		226093 Luật kinh doanh	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		225003 Kế toán hành chính sự nghiệp	2							
		225025 Thanh toán quốc tế	2							
		225107 Kế toán ngân hàng	2							
		225110 Kế toán tài chính nâng cao	2							
		225125 Kế toán doanh nghiệp xây dựng	2							
		226016 Marketing căn bản	2							
Nhóm TC 05 :		5 TC (Min)	5							
0501 .		225037 Khóa luận tốt nghiệp (Kế toán)	5							
		225045 Thực hành sổ sách kế toán	3							
		225119 Thực hành kế toán trên phần mềm	2							
Nhóm TC 06 :										
0601 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224006 Anh văn chuyên ngành (Kế toán)	2							
		224016 Anh văn 3	3							
0602 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200004 Tiếng Nhật 4	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2018 - Tiếng Anh (TN211824)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **90**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2118240377	Trương Thị Thúy Hằng	CCQ1824F	92	6.83	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 03 :		2 TC (Min)	2							
0301 .		222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2							
		226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		226016 Marketing căn bản	2							
		226025 Quản trị hành chính văn phòng	2							
		226047 Quản trị bán hàng	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		224321 Tiếng Anh tài chính ngân hàng	2							
		224336 Tiếng Anh giao tiếp qua điện thoại	2							
		224359 Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		224314 Biên dịch thương mại	3							
		224315 Phiên dịch thương mại	2							
		224324 Khóa luận tốt nghiệp	5							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2018 - Quản trị khách sạn (TN211826)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **80**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2118240121	Ngô Thị Thủy	Tiên	CCQ1826C	80	6.75	226183	Kỹ thuật phục vụ bàn và pha chế đồ uống	3		0
2	2118240194	Phạm Huỳnh Đăng	Quang	CCQ1826C	82	6.73	09	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
3	2118260026	Đào Thị Ngọc	Hoa	CCQ1826A	79	6.48	226183	Kỹ thuật phục vụ bàn và pha chế đồ uống	3		0
4	2118260037	Lâm Thị Ánh	Linh	CCQ1826A	79	6.41	226152	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	5		0
5	2118260114	Võ Thị	Giỏi	CCQ1826B	82	6.39	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0106 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 02 :		2 TC (Min)	2							
0201 .		222017 Tiếng Việt thực hành B	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222024 Xác suất thống kê	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		226022 Quản trị chất lượng (QT)	2							
		226028 Quản trị marketing	2							
		226034 Quản trị thương hiệu	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		226031 Quản trị rủi ro	2							
		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226101 Đàm phán trong kinh doanh	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		226150 Khóa luận tốt nghiệp (QT khách sạn)	5							
		226190 Quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng	3							
		226193 Quản trị nhân sự du lịch nhà hàng khách sạn	2							
Nhóm TC 08 :										
0801 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224016 Anh văn 3	3							
		226144 Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	3							
0802 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200004 Tiếng Nhật 4	2							
Nhóm TC 09 :		3 TC (Min)	3							
0901 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2019 - CNKT Cơ khí (TN211903)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **90**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2119030077	Hồ Anh	Kiệt	CCQ1903C	87	7.44	227150	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí)	5		0
2	2119030130	Nguyễn Đức	Thi	CCQ1903D	92	7.44			0		20000
3	2119030184	Nguyễn Văn	Hưng	CCQ1903F	90	7.22	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
4	2119030186	Phan	Khang	CCQ1903F	90	6.96	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
5	2119030196	Nguyễn Hoài	Thanh	CCQ1903F	85	6.74	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
							227158	Công nghệ CNC	3	4.7	0
6	2119030198	Nguyễn Đức	Tôn	CCQ1903F	90	7.08	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		3260000
7	2119030199	Trần Sơn	Trí	CCQ1903F	90	7.05	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234011 Bóng rổ 2	2							
0105 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0106 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 02 :		2 TC (Min)	2							
0201 .		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		222017 Tiếng Việt thực hành B	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		227042 Sức bền vật liệu	2							
		227131 Công nghệ chế tạo máy	2							
		227138 Solidworks	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		227107 Thực tập phay 2	2							
		227149 Thực tập tiện 3	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		227142 Thực tập hàn TIG - MAG	2							
		227147 Thực tập phay 3	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		227069 Công nghệ khí nén - thủy lực nâng cao	2							
		227087 Đồ án tốt nghiệp (Cơ khí)	5							
		227160 Chuyên đề công nghệ cơ khí	3							
Nhóm TC 08 :										
0801 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224016 Anh văn 3	3							
		227067 Anh văn chuyên ngành (Cơ khí)	2							
0802 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200004 Tiếng Nhật 4	2							
Nhóm TC 09 :		3 TC (Min)	3							
0901 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2019 - Kế toán (TN211910)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **80**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2119100051	Nguyễn Thị Thúy	Ngọc	CCQ1910B	79	6.70	225088	Nguyên lý kế toán	3	4.8	0
2	2119100201	Nguyễn Thị Thảo	Vi	CCQ1910F	82	7.69			0		3200000
3	2119100321	Nguyễn Thị Kim	Ngân	CCQ1910J	82	7.87	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
4	2119100328	Phùng Thị Phương	Thảo	CCQ1910J	82	7.45	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 03 :		2 TC (Min)	2							
0301 .		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		225129 Kỹ năng soạn thảo trên máy tính	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		225003 Kế toán hành chính sự nghiệp	2							
		225025 Thanh toán quốc tế	2							
		225107 Kế toán ngân hàng	2							
		225110 Kế toán tài chính nâng cao	2							
		225125 Kế toán doanh nghiệp xây dựng	2							
		226016 Marketing căn bản	2							
Nhóm TC 05 :		5 TC (Min)	5							
0501 .		225037 Khóa luận tốt nghiệp (Kế toán)	5							
		225045 Thực hành sổ sách kế toán	3							
		225119 Thực hành kế toán trên phần mềm	2							
Nhóm TC 06 :										
0601 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224016 Anh văn 3	3							
		225152 Anh văn chuyên ngành (kế toán)	2							
0602 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200004 Tiếng Nhật 4	2							
0603 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224006 Anh văn chuyên ngành (Kế toán)	2							
		224016 Anh văn 3	3							
Nhóm TC 07 :		3 TC (Min)	3							
0701 .		224099 Anh văn đầu vào	4							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							
Nhóm TC 08 :		2 TC (Min)	2							
0801 .		222025 Kỹ năng mềm	2							
		222035 Kỹ năng mềm	2							
		222036 Module 1: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng giao tiếp nơi làm việc	2							
		222037 Module 2: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng thuyết trình.	2							
		222038 Module 3: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc; Kỹ năng thuyết trình	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2019 - Quản trị kinh doanh (TN211912)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **80**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2119120568	Võ Thị Thanh	Quỳnh	CCQ1912P	82	6.58	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
2	2119270120	Lê Huỳnh	Như	CCQ1912Q	83	6.90	226201	Chuyên đề thực tế: Quản trị sản xuất	1	0.0	0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	222013 Phương pháp luận nghiên cứu	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		khoa học								
		222017 Tiếng Việt thực hành B	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222024 Xác suất thống kê	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226063 Phân tích và đầu tư chứng khoán	2							
		226101 Đàm phán trong kinh doanh	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		226031 Quản trị rủi ro	2							
		226058 Logistics	2							
		226083 Marketing quốc tế	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		226034 Quản trị thương hiệu	2							
		226044 Khóa luận tốt nghiệp (QTKD)	5							
		226045 Phân tích hoạt động doanh nghiệp	3							
Nhóm TC 08 :										
0801 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224009 Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2							
		224016 Anh văn 3	3							
0802 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200004 Tiếng Nhật 4	2							
Nhóm TC 09 :		3 TC (Min)	3							
0901 .		224099 Anh văn đầu vào	4							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							
Nhóm TC 10 :		2 TC (Min)	2							
1001 .		222025 Kỹ năng mềm	2							
		222035 Kỹ năng mềm	2							
		222036 Module 1: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng giao tiếp nơi làm việc	2							
		222037 Module 2: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng thuyết trình.	2							
		222038 Module 3: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc; Kỹ năng thuyết trình	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2019 - May (TN211913)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **90**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2119130132	Nguyễn Hồng	Thắm	CCQ1913E	85	6.79	231025	Hệ thống cỡ số trang phục	2	4.7	0
							231124	Trang trí tạo dáng	2	4.5	0
							231189	Thực tập thiết kế trang phục cơ bản	3	3.0	0
2	2119130139	Trương Huyền	Trân	CCQ1913E	87	7.19	231124	Trang trí tạo dáng	2	4.2	6230000
							231189	Thực tập thiết kế trang phục cơ bản	3	3.0	6230000

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 02 :		2 TC (Min)	2							
0201 .		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		222017 Tiếng Việt thực hành B	2							
		231016 Corel Draw	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		231024 Giác sơ đồ	2							
		231037 Quản lý chất lượng trang phục	2							
		231160 Công nghệ wash sản phẩm may	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		231046 Thiết kế dây chuyền sản xuất (May)	2							
		231148 Cải tiến năng suất	2							
		231165 Sáng tác mẫu	2							
Nhóm TC 06 :		5 TC (Min)	5							
0601 .		231077 Đồ án tốt nghiệp (May)	5							
		231163 Quản lý đơn hàng	2							
		231177 Trang phục truyền thống	3							
Nhóm TC 07 :										
0701 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224007 Anh văn chuyên ngành (May)	2							
		224016 Anh văn 3	3							
0702 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200004 Tiếng Nhật 4	2							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							
Nhóm TC 09 :		2 TC (Min)	2							
0901 .		222025 Kỹ năng mềm	2							
		222035 Kỹ năng mềm	2							
		222036 Module 1: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng giao tiếp nơi làm việc	2							
		222037 Module 2: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng thuyết trình.	2							
		222038 Module 3: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc; Kỹ năng thuyết trình	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2019 - Ô tô (TN211917)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **90**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2119170499	Lâm	Tư	CCQ1917N	92	6.54			0		10600000
2	2119170580	Võ Quốc	Hoàng	CCQ1917Q	94	7.41	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	VT	0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	222013 Phương pháp luận nghiên cứu	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		khoa học								
		226017 Môi trường và con người	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		233004 Công nghệ lắp ráp ô tô	2							
		233024 Thiết bị xưởng ô tô	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		233011 Ô tô sử dụng năng lượng mới	2							
		233012 Ô tô và môi trường	2							
Nhóm TC 06 :		5 TC (Min)	5							
0601 .		233006 Đồ án tốt nghiệp (Ô tô)	5							
		233055 Chuyên đề hệ thống an toàn và ổn định trên ô tô	2							
		233056 Chuyên đề công nghệ mới trên động cơ ô tô	3							
Nhóm TC 07 :										
0701 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224016 Anh văn 3	3							
		233001 Anh văn chuyên ngành (Ô tô)	2							
0702 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200004 Tiếng Nhật 4	2							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2019 - Tài chính ngân hàng (TN211919)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **80**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2119190131	Nguyễn Thị Hồng Vân	CCQ1919D	82	6.46			0		1600000

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	225129 Kỹ năng soạn thảo trên máy tính	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		225012 Kiểm toán	2							
		225029 Thuế	2							
		225095 Phân tích báo cáo tài chính	2							
		225115 Phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ	2							
		225116 Thẩm định giá tài sản	2							
Nhóm TC 05 :		5 TC (Min)	5							
0501 .		225035 Quản trị ngân hàng thương mại	3							
		225038 Khóa luận tốt nghiệp (Tài chính)	5							
		225068 Thực hành lập và thẩm định tín dụng	2							
Nhóm TC 06 :										
0601 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224016 Anh văn 3	3							
		225102 Anh văn chuyên ngành tài chính	3							
0602 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200008 Tiếng Nhật 4	3							
Nhóm TC 07 :		3 TC (Min)	3							
0701 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							
Nhóm TC 08 :		2 TC (Min)	2							
0801 .		222025 Kỹ năng mềm	2							
		222035 Kỹ năng mềm	2							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		222036 Module 1: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng giao tiếp nơi làm việc	2							
		222037 Module 2: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng thuyết trình.	2							
		222038 Module 3: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc; Kỹ năng thuyết trình	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2019 - Quản trị nhà hàng (TN211927)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **80**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2119270140	Lê Thị Mỹ Duyên	CCQ1927E	80	6.79	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	222017 Tiếng Việt thực hành B	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222024 Xác suất thống kê	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		226031 Quản trị rủi ro	2							
		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226101 Đàm phán trong kinh doanh	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		226022 Quản trị chất lượng (QT)	2							
		226028 Quản trị marketing	2							
		226034 Quản trị thương hiệu	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		226138 Khóa luận tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5							
		226190 Quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng	3							
		226199 Quản trị nhân sự nhà hàng khách sạn	2							
Nhóm TC 08 :										
0801 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224016 Anh văn 3	3							
		226175 Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	3							
0802 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200007 Tiếng Nhật 4 (chuyên ngành nhà hàng)	3							
Nhóm TC 09 :		3 TC (Min)	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0901 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							
Nhóm TC 10 :		2 TC (Min)	2							
1001 .		222025 Kỹ năng mềm	2							
		222035 Kỹ năng mềm	2							
		222036 Module 1: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng giao tiếp nơi làm việc	2							
		222037 Module 2: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng thuyết trình.	2							
		222038 Module 3: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc; Kỹ năng thuyết trình	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2020 - Quản trị kinh doanh (TN212012)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **80**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2120120206	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	CCQ2012F	76	7.49	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		0
							226202	Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ	1	0.0	0
2	2120120208	Ngô Cầm	Vĩ	CCQ2012F	76	7.33	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		0
							226202	Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ	1	0.0	0
3	2120120582	Nguyễn Thị	Mơ	CCQ2012P	77	7.59	226181	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	5		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0106 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 02 :		2 TC (Min)	2							
0201 .		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		222017 Tiếng Việt thực hành B	2							
		226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222024 Xác suất thống kê	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226063 Phân tích và đầu tư chứng khoán	2							
		226101 Đàm phán trong kinh doanh	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		226031 Quản trị rủi ro	2							
		226058 Logistics	2							
		226083 Marketing quốc tế	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		226034 Quản trị thương hiệu	2							
		226044 Khóa luận tốt nghiệp (QTKD)	5							
		226045 Phân tích hoạt động doanh nghiệp	3							
Nhóm TC 08 :										
0801 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224009 Anh văn chuyên ngành (QTKD)	2							
		224016 Anh văn 3	3							
0802 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200004 Tiếng Nhật 4	2							
Nhóm TC 09 :		3 TC (Min)	3							
0901 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2020 - Quản trị xuất nhập khẩu (TN212020)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **80**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2120200059	Nguyễn Quỳnh	Trang	CCQ2020B	77	7.44	226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		0
2	2120200107	Trần Thị Thúy	Diễm	CCQ2020D	77	7.55	226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		0
3	2120200131	Trần Quang	Thiện	CCQ2020D	79	7.85	226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
Nhóm TC 02 :	4 TC (Min)	4
0201 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0202 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0203 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0204 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0205 .	234008 Cầu lông 1	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234013 Cầu lông 2	2							
0206 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222024 Xác suất thống kê	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		226034 Quản trị thương hiệu	2							
		226167 Quản trị nhân sự	2							
		226168 Quản trị tài chính quốc tế	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		226031 Quản trị rủi ro	2							
		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226160 Quan hệ kinh tế quốc tế	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		226057 Khóa luận tốt nghiệp (XNK)	5							
		226074 Thương mại điện tử	3							
		226083 Marketing quốc tế	2							
Nhóm TC 08 :										
0801 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224016 Anh văn 3	3							
		226051 Anh văn chuyên ngành xuất nhập khẩu	2							
0802 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200004 Tiếng Nhật 4	2							
Nhóm TC 09 :		3 TC (Min)	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0901 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							
Nhóm TC 10 :		2 TC (Min)	2							
1001 .		222025 Kỹ năng mềm	2							
		222035 Kỹ năng mềm	2							
		222036 Module 1: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng giao tiếp nơi làm việc	2							
		222037 Module 2: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng thuyết trình.	2							
		222038 Module 3: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc; Kỹ năng thuyết trình	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2020 - Quản trị nhà hàng (TN212027)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **80**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2120270051	Phạm Thị Hồng	Nam	CCQ2027B	80	6.76	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
							07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
2	2120270062	Vũ Thị Thu	Thùy	CCQ2027B	80	7.38	06	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0301 .		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		222017 Tiếng Việt thực hành B	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222024 Xác suất thống kê	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		226031 Quản trị rủi ro	2							
		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226101 Đàm phán trong kinh doanh	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		226022 Quản trị chất lượng (QT)	2							
		226028 Quản trị marketing	2							
		226034 Quản trị thương hiệu	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		226138 Khóa luận tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5							
		226190 Quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng	3							
		226199 Quản trị nhân sự nhà hàng khách sạn	2							
Nhóm TC 08 :										
0801 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224016 Anh văn 3	3							
		226175 Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	3							
0802 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		200007 Tiếng Nhật 4 (chuyên ngành nhà hàng)	3							
Nhóm TC 09 :		3 TC (Min)	3							
0901 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							
Nhóm TC 10 :		2 TC (Min)	2							
1001 .		222025 Kỹ năng mềm	2							
		222035 Kỹ năng mềm	2							
		222036 Module 1: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng giao tiếp nơi làm việc	2							
		222037 Module 2: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng thuyết trình.	2							
		222038 Module 3: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc; Kỹ năng thuyết trình	2							